



4974

4974

4974

4974

4952

4952



1949

1949

1983

1986

PHAM VAN THOI
Song 2, thi-tran THOI
Buyen
Vinh HAU - GIANG



VIETNAM
9978 đ
CHINH
008



70400 BINH THANH
341

AR BAC
NAN



TO Mrs KHUC MINH THO
Po Box 5435 Arlington
VA 22205 - 0635
U.S.A.

PAR AVION VIA AIR MAIL

PAR AVION

Chốt. Dốt, Ngày 16.01.1989.

Kính gửi Bà.

Đã lập thư-tục gửi chương
trình ODP qua địa-chỉ Thái. Đến
đến nay chưa được hồi-báo (thủ báo
đảm gửi ngày 30.01.89)

Hay tôi gửi thư-tục này đến Bà
giúp đỡ và hồi báo cho biết kết-quả
Tôi rất mong tin Bà! Thân ái, kính
chào Bà!

Phạm Văn Thời

Số nhà 219 K, Tổ² 11, ấp Long 2,
thị trấn Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt,
tỉnh Hậu - Giang.

Ban chỉ-huy,
Khuân Đoàn Hoàn
Tỉnh Tiền Giang
Số 67 / CN

Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam
Độc Lập Dân Chủ Hòa Bình Trung Lập

GIẤY CHỨNG NHẬN

Họ và tên: *Phạm Văn Thời* tuổi: *30*

Sanh. quán: *Sài Gòn*

Nơi về ngụ: *Ấp 3, xã Tân Thới Trung Chi. T.G*

Nguyên là: *Thi đua, ủy viên* trong
quân đội ngụy quyền Sài Gòn.

Đã theo học lớp quân huấn ... tháng kể từ ngày *08-05-75*

đến ngày: *15-05-76*. Nay anh hoặc chị được về sum-họp
với gia đình, tiếp tục học, lao động để trở thành người
lành ăn lương thiện.

Yêu cầu các cơ quan, đoàn thể Cách-Mạng địa-
phương hết sức giúp đỡ anh hoặc chị:
phấn đấu tốt.

Nhận-dạng:

Ngày *15* tháng *05* năm 1976

1 Ban chỉ-huy.

-Cao: Im,

-Dấu vết đặc-biệt:

Đã

Thi đua, ủy viên

NHỮNG ĐIỀU QUY-ĐỊNH CHO
NGƯỜI GIỮ GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY.

- 1- Phải tuân theo luật-lệ, chế-độ quy-định của chính-quyền cách-mạng.
- 2- Phải xuất trình giấy chứng nhận này với cán-bộ cơ-sở.
- 3- Giấy này không thể cho giấy thông hành, đi đâu phải có giấy phê chính-quyền địa-phương.
- 4- Không được cho người khác mượn giấy chứng nhận này.
Nếu làm mất phải báo-cáo với cơ-quan an ninh nơi mất và Chính-quyền nơi cấp giấy chứng nhận.
- 5- Khi Ủy-ban nhân-dân cách-mạng báo gọi thì phải đến đúng hẹn.

GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Huân-Thị số 650 - 403 ngày 27.01.1972)

I - PHẦN DÀNH CHO QUÂN NHÂN XIN KẾT HÔN : ĐƠN XIN KẾT HÔN

1. Cấp-bậc, Binh ngạch, Họ tên quân-nhân xin kết-hôn :	2. Số quân và Đơn-vị :
THIÊN-ĐY S/L/ĐB PHẠM VĂN TRẦN	PHẠM TH. 000/ĐB. 001
3. Ngày, nơi sinh :	4. Gia-công :
01-06-1949 (Đã) - Đã	Đã
5. Họ tên cha mẹ :	
Võ Văn	
6. Họ tên vị hôn thê (hoặc hôn phu) :	7. Nghề-nghiệp :
Đã	Đã
8. Ngày, nơi sinh :	9. Gia-công :
Đã	Đã
10. Địa-chỉ :	
Đã	
11. Họ tên cha mẹ vị hôn thê (hoặc hôn phu) :	
Đã	
12. CAM-KẾT : Tôi xin cam-kết hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu vi-phạm điều 12 Luật Gia-dình (1) và trong trường hợp người phối-ngẫu của tôi là cô (đang) : trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương hại đến an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn thương đến danh dự QLVNCH (Điều 191 Sắc-luật 13/CT/LĐQG/SL ngày 20.10.64 bắt buộc người vi-phạm-nhân phải tự bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quốc-Đội).	
13. Lăn tại KBC, ngày :	14. Chữ ký của quân-nhân xin kết-hôn :
Đã, ngày 27-07-1972	Đã

II - QUYẾT-ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC THẨM QUYỀN

Số 13208

15. Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ của giới chức thẩm quyền :	
Chấp thuận và lưu-ý quân nhân được phép kết-hôn :	
a/- Quyết-Định cho phép kết-hôn này chỉ có giá-trị trong phạm-vi QLVNCH và có hiệu-lực trong vòng 6 tháng kể từ ngày ban hành. Quá thời hạn này đương-sự phải xin triển hạn hay huỷ bỏ.	
b/- Ngoài những hình phạt về Quân-kỷ, nếu vi-phạm Huân-Thị số 650 - 403 ngày 27.01.1972 đương-sự còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật chiếu theo Sắc-luật 15/64 ngày 23.7.64.	
16. NƠI NHẬN :	17. KBC, ngày :
Đã	Đã
(Ấn ký của giới chức thẩm quyền)	
TL. Đại-Tướng CAO VĂN VIÊN	
Tướng Tham-Mưu-Trưởng Q.L.V.N.C.N.	
T.L. Trung-Tướng KHUẤT VĂN HẠNH	
Thiếu-Tướng NGUYỄN VĂN-TRANG	
Thiếu-Tướng Phó-Tham-Viễn	
Đã	

CHỈ DẪN

PHẦN I. - Do quân-nhân muốn xin kết hôn diện khuyết tùy theo số bản ấn-định bằng máy đánh chữ các O từ số 1 đến O số 13 và ký tên vào O số 14. Nếu không có máy chữ, có thể điền bằng bút mực nhưng phải viết theo lối "chữ in". Tất cả các O phải ghi đầy đủ và sạch-sẽ, nếu không nhân-viên nhận đơn sẽ phải hoàn trả để thiết-lập lại.

- O số 1 : - Thành phần ĐLVNCH ghi bằng chữ tất tiếp theo cấp-bậc và sau đó là Binh ngạch cùng bằng chữ tất.

- Họ tên (kể cả O 3, 5, 6, 8, 11 ghi đúng theo khai sinh.

(thí-du : - Đại-Ủy ĐPQ/ĐU NGUYỄN-VĂN-CAN

- Chuẩn-Ủy CLQ/TB NGUYỄN-NGỌC-SON).

- O số 2 : - Số quân ghi đầy đủ 8 số, Đơn-vị ghi rõ Tiểu-Đoàn, Trung-Đoàn, Sư-Đoàn.

(Thí-du : - Tiểu-Đoàn 3, Trung-Đoàn 46/SD 25BB

- Phòng TQT/BCH 3 Tiếp-Vận).

- O số 3 : - Gia cảnh ghi : Độc thân, góa vợ hoặc ly-dị.

- O số 7 : - Nghề-nghiệp ghi rõ : cấp-bậc, số quân, Đơn-vị hay ngạch trật, nhiệm-sứ, nếu người phối ngẫu là Nữ-Quân-Nhân hay Công-Chức.

- O số 10 : - Địa chỉ ghi rõ nơi cư ngụ của người hôn phối (số nhà, Đường, Quận, Tỉnh hay Số nhà, Ấp, Xã, Quận, Tỉnh).

- O số 13 : - Ghi K.B.C. của Đơn-vị.

PHẦN II. - Dành cho Cơ-Quan hoặc Đơn-vị có thẩm quyền cấp phép kết hôn.

CUỘC-CHÚ : (1)

ĐIỀU 12 Sắc-Luật 15/64 ngày 23 tháng 7 năm 1964.

Sự kết hôn bị cấm chỉ giữa những người tôn thuộc, ti thuộc hay người phối ngẫu của người đó về trước với bất luận là con chánh thức, ngoại hôn hay nghĩa-dưỡng.

Về bảng hệ sự kết hôn bị cấm chỉ giữa những hạng người

sau đây :

1./- Anh chị em đồng phụ mẫu hay đồng cha khác mẹ, hay đồng mẹ khác Cha, hay anh chị em ruột.

2./- Chú, bác, cậu với cháu, cô, dì với cháu trai, Ông chú, Ông bác, Ông Cậu với cháu gái, Bà cô, bà dì với cháu trai.

3./- Anh, chị, em con chú, con bác, con cậu, con cô, con dì, cả hai bên nội ngoại, anh em với chị em cháu chú, cháu bác, cháu cậu, cháu cô, cháu dì về bên nội cùng như bên ngoại.

Tuy nhiên giữa bà con bảng hệ nói ở khoản 3 nếu có lý-do quan-trọng THU-TUỞNG có thể đặc-biệt cho phép kết-hôn./-

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH AN - GIANG
QUẬN MỎ - MỎI
XÃ AN-THÀNH-TRUNG

TRÍCH - LỤC CHỨNG - THƯ HÔN - THƯ
Lập ngày 05 tháng 12 năm

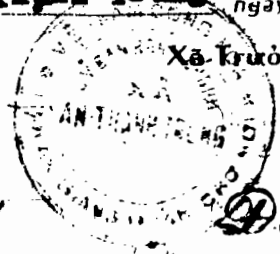
Số hiệu : 285
*

MIỄN TRỪ

Tên họ chồng : PHẠM VĂN THÔI
Ngày và nơi sinh : 04 - 06 - 1.949 tại SÀI-GÒN
Tên họ cha chồng : VÕ - DANH (sống/chết)
Tên họ mẹ chồng : PHẠM THỊ XÂY (sống/~~chết~~)
Tên họ vợ : MAI THỊ THẨM
Ngày và nơi sinh : 14-10-1.952 An-Thái-Trung ĐỊNH-TUÔNG
Tên họ cha vợ : MAI XUÂN CỎ (~~sống~~/chết)
Tên họ mẹ vợ : TÔ THỊ HUYỆ (~~sống~~/chết)
Ngày lập hôn-thứ : Ngày năm, tháng mười hai, năm một
Có lập hôn-kế không : ngàn - chín trăm bảy mươi ba .

CHỖ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ
THÔNG TƯ SỐ 4360 BNV/HCT/9
/ 8-8-1970 CỦA BỘ NỘI-VỤ

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH
An-Thành-Trung ngày 29 tháng 12 năm 1973
Xã Trưởng kiêm Hộ-Tịch.



Đỗ Văn Hùng

TONG THAM-MUU TRUONG
QUAN-LUC VIET-NAM CONG HOA

. I - NAM CONG HOA
BO QUOC A HONG
BO TONG THAM MUU
QUAN LUC VIET NAM CONG HOA

So : 0871 / TTM/ND

- Chieu Hien-Phap ngay 01 - 04 - 1967.

DI CHIEU HIEU

DIEU 1.- Nay thang cap Thieu-Uy thue-thu duong nhien cho
cac Chuan-Uy TB khoa 5/70 DB co ten sau day ke tu
ngay 30 - 10 - 1972.

01.-
141.- CH UY TB* TRAN-HUU-DU SQ.59/101.197 TD 3/10 BB
555.- CH UY TB* PHAM-VAN-THOI " 69/500.041 TRD 10 SD 7 BB
690.-

DIEU 2.- Tham- Tong Tham-Muu chieu nhien vu
thi-ha nay.-

K.B.G. 40.02, ngay 19 thang 12 nam 1972

Dai-Tuong CAO-VAN-VIEN
Tong Tham-Muu Truong QLVNCH
(ky tem va dong dau)

/D.A.FONG/14.01.73/lob/

T RICH Y GOI :

- Tieu-Doan 3/10
"DE TONG DAN"
- Tieu-Ban 3/1
"DE GHI XEP HO SO"
- Ban Tai-Chanh
"DE LAM LUONG"
- Lun
- Tru.-

K.B.G. 4.181, ngay 14 thang 01 nam 1973

TL. Trung-Ta TRUONG-VAN-BUOI
Trung-Doan Truong Trung-Doan 10 Bo-Binh
Dai-Uy PHAN-VAN-NANG
Truong-Ban 1



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT2/P3

Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn: Chốt-MộtThị xã, Quận: Chốt-MộtThành phố, Tỉnh: Hậu-Giang

GIẤY KHAI SINH

Số 055Quyển số 16

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Phạm Mai Quốc Thái</u>		Nam, nữ	<u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>16.03.1983</u> <u>Ngày một sáu tháng ba năm</u> <u>một chín tám ba.</u>			
Nơi sinh	<u>Thị-trấn Chốt-Một, huyện</u> <u>Chốt-Một tỉnh Hậu-Giang</u>			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Phạm Văn Chơn</u> <u>04.06.1949</u>	<u>Mai Thị Chấm</u> <u>14.10.1952</u>		
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>		
Quốc tịch	<u>Việt-Nam</u>	<u>Việt-Nam</u>		
Nghề nghiệp	<u>Chạy xe lăn đạp</u>	<u>Làm ruộng</u>		
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Thị-trấn Chốt-Một</u>	<u>Thị-trấn Chốt-Một</u>		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Phạm Văn Chơn ngụ ấp Long</u> <u>2, thị-trấn Chốt-Một, huyện</u> <u>Chốt-Một, tỉnh Hậu-Giang</u> <u>giấy CNCC số 361330662</u>			

Đăng ký ngày 27 tháng 7 năm 1983TM/UBND Đài Loan ký tên đóng dấu
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)Huỳnh Long Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT2/P3

Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn: Chốt-MộtThị xã, Quận: Chốt-MộtThành phố, Tỉnh: Hậu Giang

GIẤY KHAI SINH

Số 054Quyển số 10

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Phạm Mai Phụng Thủy</u> Nam, nữ <u>Mai</u>	
Sinh ngày tháng, năm	<u>29.07.1977</u> <u>Ngày hai chín tháng bảy năm</u> <u>một chín bảy bảy</u>	
Nơi sinh	<u>Thị-Trấn Chốt-Một, huyện</u> <u>Chốt-Một, tỉnh Hậu-Giang</u>	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Phạm Văn Chơn</u> <u>04.06.1949</u>	<u>Mai Thị Chấm</u> <u>14.10.1952</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt-Nam</u>	<u>Việt-Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Chạy xe lăn đạp</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Thị-Trấn Chốt-Một</u>	<u>Thị-Trấn Chốt-Một</u>
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Phạm Văn Chơn ngụ ấp Song</u> <u>2, thị-Trấn Chốt-Một, huyện</u> <u>Chốt-Một, tỉnh Hậu-Giang</u> <u>giấy CMND số 361330662.</u>	

Đăng ký ngày 2 tháng 7 năm 1988TM/UBND Quỳnh Anh ký tên đóng dấu
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)Quỳnh Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT2/P3

Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn: Chốt-MộtThị xã, Quận: Chốt-MộtThành phố, Tỉnh: Hầu-Giang

GIẤY KHAI SINH

Số 053Quyển số 16

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Phạm Mai Phương Chuyền</u> Nam, nữ <u>Ch?</u>	
Sinh ngày tháng, năm	<u>28 - 08 - 1974</u> <u>Ngày hai tám tháng tám năm</u> <u>một chín bảy tư.</u>	
Nơi sinh	<u>Thị trấn Chốt-Một, huyện</u> <u>Chốt-Một, tỉnh Hầu-Giang</u>	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Phạm Văn Chốt</u> <u>Ch. 06. 1949</u>	<u>Phạm Thị Châm</u> <u>14. 10. 1952</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt-Nam</u>	<u>Việt-Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Chạy xe lăn đạp</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Thị trấn Chốt-Một.</u>	<u>Thị trấn Chốt-Một.</u>
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Phạm Văn Chốt ngụ cấp 3</u> <u>2, thị trấn Chốt-Một, huyện</u> <u>Chốt-Một, tỉnh Hầu-Giang</u> <u>giấy CMND số 361330662</u>	

Đã ký ngày 27 tháng 7 năm 1984TM/UBND Văn Văn ký tên đóng dấu
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Hải

VIỆT NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ-Pháp

TỔ TƯ-Pháp NAM-Phân

TÒA SO-Phẩm

Định-Trung

(1) Ngày 19-8-1959

Giấy thế-vì khai sanh
cho Mai-thị-Thẩm

(1) Số: I420/Hot

TRÍCH LỤC VĂN-BIỆN THẾ-VÌ HỌ-TÊN LƯU-TRỮ
TẠI PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SO-Phẩm Định-Trung

Một bản chánh giấy thế-vì khai sanh
cấp cho Mai-Xuân-Cô do
Nguyễn-Khắc-Dụng, Chánh-ín Tòa SO-Phẩm, Định-
Trung với tư cách Thẩm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày
19-8-1959 và đã trước bạ:

TRÍCH RA NHƯ SAU NÀY:

.....
Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc
điều 16 của Nghị-Định, ngày 17-II-1947 của Thủ-
Trưởng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và
điều 363 và kế tiếp Bình-Luật Canh-Cải sửa đổi
bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1-12 và sau khi tuyên-
thệ, quả quyết và biết chắc rằng:

- Mai-thị-Thẩm, nữ sanh ngày 14-10-1952,
tại An-Thái-Trung, Định-Trung là con của Mai-
Xuân-Cô và Lê-thị-Huệ. /-

Lệ-thí: 5800

(1) Lập lại số, ngày tháng
và năm trên đây mỗi khi
xin trích lục.

TRÍCH LỤC Y THEO BẢN CHÁNH
Y THEO, ngày 14 tháng 9 năm 1968
CHÁNH LỤC-V

Bình lai số: 2784/SC

Bản số: 4294

★

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín (1949)

Tên, họ đứa nhỏ	Phạm văn Thôi
Phái	masculin
Ngày sanh	le quatre Juin mil neuf cent quarante neuf à 16h40
Nơi sanh.	Saigon, 284 rue d'Arras
Tên, họ người Cha.	/
Nghề-nghiệp.	/
Nơi cư-ngụ	/
Tên, họ người Mẹ	Phạm thị Xây
Nghề-nghiệp	cuisinière
Nơi cư-ngụ	Saigon, 125 rue Testard
Vợ chánh hay thứ	/

TRÍCH-LỤC Ý BỒN CHÁNH: H.6

Saigon, ngày 17 tháng 12 năm 197 3T.U.N. ĐÓ TRƯỞNG SAIGON
CHỦ-SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH,

KHUẾ-THI-VIỆT

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form 1001
____ ODP/Date
____ Membership Letter VN.